

Số: 736/ĐHKT-NCKH
V/v định hướng NCKH năm 2024

Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2024

Kính gửi: Đơn vị trực thuộc Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN

Căn cứ Quy định số 957/QĐ-ĐHKT ngày 6/4/2022 về đầu tư, quản lý và sử dụng quỹ phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ tại trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN;

Căn cứ Nghị quyết 600-NQ/ĐU của Đảng ủy trường Đại học Kinh tế về Lãnh đạo chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm 2024;

Căn cứ Kết luận cuộc họp ngày 11/3/2024 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN;

Kính đề nghị các đơn vị triển khai xây dựng dự án khoa học công nghệ và gửi về Phòng NCKH&HTPT trước ngày 30/3/2024 (bao gồm cả bản cứng và bản mềm) theo biểu mẫu và hướng dẫn kèm theo.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, NCKH, N3.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
KINH TẾ
Nguyễn Anh Thu

CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC NĂM 2024
(Kèm theo Công văn số 736/ĐHKT-NCKH ngày 11 tháng 03 năm 2024)

I. Bài báo quốc tế

Bài báo quốc tế đăng trên tạp chí uy tín thuộc cơ sở dữ liệu WoS và Scopus đảm bảo các điều kiện theo quy định tại điều 8 Chương III của Quy định số 957/QĐ-ĐHKT ngày 6/4/2022 về đầu tư, quản lý và sử dụng quỹ phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ tại trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN.

II. Các nghiên cứu tư vấn chính sách

Các nghiên cứu tư vấn chính sách đảm bảo các điều kiện theo quy định tại điều 8 Chương III của Quy định số 957/QĐ-ĐHKT ngày 6/4/2022 về đầu tư, quản lý và sử dụng quỹ phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ tại trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN. Định hướng nội dung và sản phẩm theo phụ lục đính kèm.

III. Tổ chức các Hội thảo/Diễn đàn kinh tế quốc tế

Các Hội thảo/Diễn đàn kinh tế quốc tế lớn hướng tới xây dựng thương hiệu nhà trường, kết nối các học giả quốc tế, tìm kiếm các cơ hội hợp tác, theo điều 9 chương III trong Quy định số 957/QĐ-ĐHKT ngày 6/4/2022 về đầu tư, quản lý và sử dụng quỹ phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ tại trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN.

IV. Các đề án phát triển trường

Các đề án hướng tới phát triển trường, các hoạt động nhằm nâng cao năng lực NCKH của cán bộ và người học và các hạng mục đầu tư khác được quy định tại điều 8 Chương III của Quy định số 957/QĐ-ĐHKT ngày 6/4/2022 về đầu tư, quản lý và sử dụng quỹ phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ tại trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN.

V. Các nghiên cứu ưu tiên khác hỗ trợ cho giảng viên và người học, phục vụ cộng đồng do Hội đồng trường và BGH nhà trường chỉ đạo.

PHỤ LỤC
NỘI DUNG VÀ SẢN PHẨM BÁO CÁO TƯ VẤN CHÍNH SÁCH
ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2024

I. Định hướng nội dung

1.1. Đánh giá việc thực hiện các nghị quyết Trung ương, các Chiến lược lớn của Chính phủ

	Nội dung nghiên cứu
1	Đánh giá về hoạt động thu hút, giải ngân vốn FDI của Việt Nam theo Nghị quyết 50 Bộ chính trị
2	Đánh giá từ các tổ chức, chuyên gia kinh tế về tình hình thực hiện chính sách, chương trình phát triển kinh tế tại Việt Nam theo Nghị quyết 01/NQ-CP, Luật đầu tư công năm 2019 và các khuyến nghị.
3	Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế
4	Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 3/6/2017, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước
5	Nghị quyết 05/NQ-TW ngày 1/11/2016 về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế
6	Nghị quyết số 11-NQ/TW về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
7	Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới
8	Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

9	Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới
10	Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
11	Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 3/6/2017 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
12	Nghị quyết số 30-NQ/TW, ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
13	Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
14	Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư
15	Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế
16	Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn
17	Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
18	Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
19	Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước

20	Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn 2045
21	Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030, ban hành theo Quyết định số 569/QĐ-TTg, ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ, đặc biệt chú trọng việc hoàn thiện hành lang pháp lý, nâng cao năng lực quản lý của Nhà nước về Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo.

1.2. Những vấn đề kinh tế thế giới và khu vực

TT	Nội dung nghiên cứu	Thời gian nghiên cứu 1 năm
1	Tình hình và những vấn đề mới nổi của kinh tế thế giới, tập trung vào những đánh giá, dự báo về tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư quốc tế có ảnh hưởng tới Việt Nam	Báo cáo theo quý
2	Kinh nghiệm của các quốc gia về việc xử lý các vấn đề về cạnh tranh, cò sạt chiến lược về kinh tế, thương mại, công nghệ giữa các quốc gia và hàm ý cho Việt Nam	Báo cáo mỗi 6 tháng
3	Tình hình triển khai các chiến lược, sáng kiến liên kết kinh tế, kết nối giao thông như Sáng kiến “Vành đai, con đường – BRI”, “Khuôn khổ kinh tế Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương” (IPEF), “Chiến lược kết nối Á-Âu” GMS..., cơ hội và thách thức đối với Việt Nam	Báo cáo mỗi 6 tháng
4	Chính sách phát triển, điều hành kinh tế của các quốc gia trong các nhóm G7, BRIC, ASEAN... và các nước đối tác kinh tế, thương mại, đầu tư lớn của Việt Nam ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế Việt Nam	Theo quý
5	Đánh giá, dự báo về xu hướng điều chỉnh chính sách tài chính-tiền tệ của các nước lớn, liên quan đến chính sách điều hành lãi suất của của các nước lớn và ảnh hưởng tới Việt Nam.	Theo quý
6	Đánh giá, dự báo về việc các nước lớn ban hành chính sách, biện pháp hạn chế, trừng phạt kinh tế, thương mại, đầu tư đối với các nước đối tác. Kinh nghiệm ứng phó đối với các vấn đề trên của các quốc gia.	Theo quý

7	Kinh nghiệm đối phó, giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế khi triển khai các cam kết trong khuôn khổ các hiệp định thương mại tự do song phương, đa phương của các nước có thể áp dụng đối với Việt Nam	Báo cáo mỗi 6 tháng
8	Đánh giá xu hướng chuyển dịch dòng vốn đầu tư FDI; hàm ý cho Việt Nam	Báo cáo mỗi 6 tháng
9	Các vấn đề mới nổi trong hoạt động mua bán và sáp nhập (M&A), tập trung vào các mô hình M&A của các nước lớn và bài học cho Việt Nam.	Báo cáo mỗi 6 tháng

1.3. Chính sách phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo tập trung vào nghiên cứu các quốc gia phát triển ở Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Á

	Nội dung nghiên cứu	Thời gian nghiên cứu 1 năm
1	Điều chỉnh trong chiến lược, chính sách, biện pháp phát triển KHCN trong bối cảnh CMCN 4.0 của các quốc gia trên thế giới như: xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; đầu tư hoạt động R&D; sở hữu trí tuệ; phát triển công nghệ trọng điểm CMCN 4.0; thúc đẩy thị trường KHCN; huy động nguồn vốn để phát triển tiềm lực KHCN.	Báo cáo mỗi 6 tháng
2	Chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế, cơ sở nghiên cứu tham gia CMCN 4.0, các ưu tiên về nguồn lực đầu tư, phát triển đổi mới với ngành, lĩnh vực trong thực hiện CMCN 4.0 của các quốc gia	Báo cáo mỗi 6 tháng
3	Chính sách phát triển nguồn nhân lực trong thời kỳ CMCN 4.0 của các quốc gia trên thế giới và hàm ý cho Việt nam	Báo cáo mỗi 6 tháng
4	Chính sách phát triển công nghiệp của các nước; chính sách đối với ngành công nghiệp công nghệ cao, vận tải-logistics, điện tử	Báo cáo mỗi 6 tháng
5	Kinh nghiệm phát triển các Khu công nghiệp, Khu kinh tế, Khu công nghệ cao, khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp đô thị-dịch vụ, khu công nghiệp hỗ trợ... của các nước	Báo cáo mỗi 6 tháng
6	Các mô hình chính phủ điện tử trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.	Báo cáo mỗi 6 tháng

7	Chuyển đổi số và kinh tế số: Mô hình, kinh nghiệm và xu hướng chuyển đổi số quốc gia của các quốc gia, và một số vấn đề lưu ý đối với Việt Nam	Báo cáo mỗi 6 tháng
8	Kinh nghiệm phát triển thương mại điện tử của các nước và hàm ý cho Việt Nam	Báo cáo mỗi 6 tháng
9	Kinh nghiệm của các nước trong việc xây dựng và phát triển thành phố thông minh và hàm ý cho Việt Nam	Báo cáo mỗi 6 tháng

II. Yêu cầu sản phẩm

2.1. *Bài báo trong nước : 01 (sản phẩm tương đương với đề tài cấp cơ sở)*

2.2. *Báo cáo khoa học*

2.2.1. *Đối với nghiên cứu đánh giá nghị quyết, chiến lược, hoặc các nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế hướng tới áp dụng tại Việt Nam*

Sản phẩm (dự kiến)	Số lượng	Yêu cầu khoa học hoặc/và chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt	Ghi chú
1. Báo cáo kinh nghiệm quốc tế hàm ý hướng tới Việt Nam	01	1. Tổng hợp được các vấn đề quốc tế phát sinh 2. Các cách thức xử lý các vấn đề bằng các luận điểm, mô hình, các case cụ thể, giải pháp giải quyết từ tổng thể đến chi tiết 3. Điều kiện yêu cầu về Quốc tế: Lựa chọn 3 nước hoặc các nước nằm ở 3 châu lục, là các nước tiêu biểu có liên quan đến chủ đề nghiên cứu 4. Kèm theo 01 báo cáo chất lọc từ 3-5 trang	
2. Báo cáo về thực trạng tại Việt Nam	01	1. Việt Nam đang phải xử lý các vấn đề như thế nào 2. Các vấn đề còn tồn tại và bất cập tại Việt Nam 3. Kèm theo 01 báo cáo chất lọc từ 3-5 trang	

3. Báo cáo tổng hợp các ý kiến chuyên gia, tham mưu	01	Tổng hợp ý kiến từ seminar chuyên môn mời các chuyên gia tham gia đến từ các trường Đại học lớn, tổ chức uy tín, Đại sứ quán...	Yêu cầu chuyên gia tham gia cần ghi rõ tên, chức vụ, tổ chức và lấy ý kiến của các chuyên gia, cụ thể: Tối thiểu 2 chuyên gia quốc tế; 5-7 chuyên gia trong nước
4. Báo cáo tổng hợp và khuyến nghị, hàm ý chính sách	01	1. Báo cáo tổng hợp nghiên cứu của đề tài, trong đó cần nêu rõ được các mô hình, phương pháp nghiên cứu... để từ đó có thể ra được bài báo trong nước hoặc bài báo quốc tế 2. Kèm theo Báo tư vấn chính sách chuyên sâu 3-5 trang	

2.2.2. Đối với nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, tình hình quốc tế

Sản phẩm	Số lượng	Yêu cầu khoa học hoặc/và chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt	Ghi chú
1. Báo cáo khoa học	Theo 6 tháng hoặc theo Quý	Chương 1: Nội dung tập trung về diễn biến các vấn đề gần đây, triển vọng quốc tế và Việt Nam, phương pháp nghiên cứu	
		Chương 2: Kinh nghiệm quốc tế của các nước triển khai xử lý các vấn đề nghiên cứu	
		Chương 3: Hàm ý, khuyến nghị cho Việt Nam	
		Kèm theo 01 báo cáo chốt lọc từ 3-5 trang	

2. Báo cáo tổng hợp các ý kiến chuyên gia, tham mưu	01	Tổng hợp ý kiến từ seminar chuyên môn mời các chuyên gia tham gia đến từ các trường Đại học lớn, tổ chức uy tín, Đại sứ quán...	Yêu cầu chuyên gia tham gia cần ghi rõ tên, chức vụ, tổ chức và lấy ý kiến của các chuyên gia cụ thể: Tối thiểu 3-5 chuyên gia quốc tế; 3-5 chuyên gia trong nước
---	----	---	---

2.3. Các sản phẩm khác

2.3.1. Sản phẩm phục vụ cho công bố và tổ chức Hội thảo

- 01 bộ sản phẩm sẵn sàng cho công tác tổ chức Hội thảo: Agenda dự kiến của hội thảo; Slide tài liệu hội thảo + các bài tham luận; 03 chủ đề nội dung liên quan đến hướng nghiên cứu khác có thể mời các diễn giả, chuyên gia tham gia để đặt hàng; Danh sách các diễn giả, chuyên gia phục vụ chuyên môn của Hội thảo.

2.3.2. Sản phẩm truyền thông

- 01 gói dữ liệu bao gồm 02 tin bài đưa tin trên các trang nội bộ trường UEB hoặc báo chí, truyền hình về tọa đàm chuyên môn, các tư vấn chính sách hoặc kết quả của quá trình nghiên cứu;
- 02 gói dữ liệu (ảnh chụp hoặc quay video) phục vụ cho công tác truyền thông và gửi cho Phòng truyền thông làm tư liệu về nội dung: Seminar chuyên môn hoặc quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu và Phỏng vấn các chuyên gia.
- 01 kịch bản dự kiến cho video truyền thông về quá trình nghiên cứu, công bố nghiên cứu và các giá trị tư vấn chính sách, phỏng vấn các chuyên gia về chủ đề nghiên cứu.

